

PHÁP LUẬT VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: YÊU CẦU HOÀN THIỆN TỪ VIỆC VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP Ở VIỆT NAM

PHAN CHÍ TRUNG
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Nhận bài ngày 04/5/2026. Sửa chữa xong 16/6/2026. Duyệt đăng 27/6/2026.

Abstract

In the two-tier local government system, the legal framework for digital transformation is essential to ensuring the consistent, transparent, and effective settlement of administrative procedures, particularly as additional responsibilities are delegated to the commune level. This article examines the legal framework governing electronic transactions, data, and online public services; assesses implementation; and identifies the gap between legal provisions and practice. It further highlights shortcomings in the governance, interoperability, and sharing of public data; digital administrative procedures and electronic records; accountability, traceability, and digital oversight; as well as financial resources, digital infrastructure, human resources, and technical support. The article proposes unified data governance, electronic records by default, digital logging, monitoring and accountability mechanisms, and the alignment of decentralisation with adequate resources, thereby improving service quality for citizens and businesses.

Keywords: Law on digital transformation, digital administrative procedures, two-tier local government, public data, electronic dossiers.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh chuyển đổi số (CĐS) gắn với vận hành mô hình chính quyền địa phương (CQĐP) hai cấp, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số trở thành điều kiện quan trọng để bảo đảm tính liên thông, thống nhất và hiệu quả trong hoạt động của CQĐP. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và CĐS quốc gia, Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức CQĐP năm 2025 đã tạo cơ sở chính trị, pháp lý cho quá trình này, đặc biệt khi cấp xã trực tiếp đảm nhận nhiều nhiệm vụ hành chính hơn. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn bộc lộ khoảng cách giữa yêu cầu pháp luật và năng lực thực thi: dữ liệu công chưa được kết nối, chia sẻ và tái sử dụng đồng bộ; hồ sơ điện tử chưa thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy; cơ chế truy xuất trách nhiệm, giám sát và minh bạch trên môi trường số chưa hoàn thiện; hạ tầng, nguồn lực và năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức còn hạn chế. Bài viết phân tích khung pháp luật, thực tiễn vận hành CQĐP hai cấp và các khoảng trống trong thực thi pháp luật về CĐS trong giải quyết thủ tục hành chính; từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi.

Tác giả xin trân trọng cảm ơn Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã tài trợ đề tài cấp cơ sở “Nghiên cứu pháp luật về CĐS trong thực hiện thủ tục hành chính phù hợp với mô hình CQĐP hai cấp - Thực tiễn tại Thành phố Hà Nội” (Mã đề tài: HUNRE.2026.07.04) năm 2026. Kết quả nghiên cứu trong bài viết là một phần của đề tài này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát pháp luật về chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính

Email: pctrung@hunre.edu.vn

2.1.1. Khái niệm và vai trò của chuyển đổi số

Trên cơ sở cách tiếp cận về CDS trong khu vực công, có thể hiểu CDS trong giải quyết thủ tục hành chính không chỉ là số hóa hồ sơ hoặc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mà là sử dụng dữ liệu, công nghệ và nền tảng số để tái cấu trúc quy trình tiếp nhận, xác thực, xử lý, phê duyệt, trả kết quả, lưu trữ, tái sử dụng hồ sơ và dữ liệu. Quá trình này đòi hỏi đổi mới quản trị, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, bảo đảm liên thông, minh bạch và khả năng truy xuất trách nhiệm (OECD, 2020). Theo Cẩm nang CDS, CDS không chỉ là số hóa các quy trình có sẵn mà là quá trình thay đổi tổng thể, toàn diện và chuyển đổi mô hình hoạt động dựa trên công nghệ số, dữ liệu số; theo đó, quy trình, tổ chức và phương thức cung cấp dịch vụ được đổi mới (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021, tr. 21, 23). Trong khu vực nhà nước, CDS gắn với phát triển Chính phủ số và chính quyền số, trong đó hoạt động được thiết kế lại, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới cách thức cung cấp dịch vụ công và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021, tr. 133, 135, 138).

Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính là điều kiện để đổi mới phương thức quản lý, nâng cao chất lượng phục vụ và bảo đảm liên thông trong xử lý hồ sơ. Trong mô hình CQĐP hai cấp, vai trò này càng trực tiếp khi cấp xã đảm nhận nhiều nhiệm vụ hành chính hơn. Vì vậy, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số có khả năng kết nối, chia sẻ kịp thời trở thành điều kiện bảo đảm cho việc vận hành thống nhất, hiệu quả mô hình CQĐP hai cấp.

2.1.2. Nội dung cơ bản của pháp luật về chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính

Pháp luật về CDS trong giải quyết thủ tục hành chính điều chỉnh việc xây dựng, quản lý và khai thác dữ liệu, nền tảng số, giao dịch điện tử và dịch vụ công trực tuyến. Trong mô hình hai cấp, các quy định này phải bảo đảm xử lý hồ sơ trên môi trường số, liên thông dữ liệu và hỗ trợ cấp xã thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, cụ thể: 1) Pháp luật về giao dịch điện tử và cơ chế một cửa, một cửa liên thông tạo cơ sở cho thủ tục hành chính số. Luật Giao dịch điện tử năm 2023 thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, chữ ký điện tử và giao dịch điện tử; Nghị định số 118/2025/NĐ-CP quy định tổ chức Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã và tiếp nhận thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính. Theo đó, CDS không chỉ số hóa hồ sơ mà còn tổ chức lại việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả; 2) Pháp luật về dữ liệu số và chia sẻ dữ liệu là nền tảng của chính quyền số. Luật Dữ liệu năm 2024 và Nghị định số 278/2025/NĐ-CP quy định cơ chế kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc, qua đó chuyển dần từ phối hợp hành chính sang nghĩa vụ pháp lý và giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin; 3) Pháp luật về dịch vụ công trực tuyến hình thành cơ chế cung ứng dịch vụ công trên môi trường mạng. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định yêu cầu về chuẩn hóa quy trình, công khai thông tin và bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ công. Quyết định số 29/2026/QĐ-TTg về quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia tiếp tục tạo cơ sở cho định danh, xác thực, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, thanh toán trực tuyến và xử lý phản ánh, kiến nghị. Cùng với các quy định về kiến trúc dữ liệu, nền tảng số dùng chung và chuẩn kết nối, nhóm quy định này là cơ sở để hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính vận hành thống nhất, liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã; 4) Pháp luật về dữ liệu dân cư, định danh điện tử và bảo vệ dữ liệu cá nhân tạo điều kiện quan trọng cho việc đơn giản hóa thủ tục hành chính. Thông qua Đề án 06, nhiều cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành đã được kết nối, chia sẻ, góp phần giảm giấy tờ và thời gian xử lý hồ sơ. Việc khai thác dữ liệu dân cư và định danh điện tử đồng thời phải gắn với pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, nhằm bảo đảm quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong xử lý dữ liệu cá nhân.

Nhìn tổng thể, hệ thống pháp luật hiện hành đã bước đầu hình thành khung pháp lý cho CDS trong giải quyết thủ tục hành chính. Tuy nhiên, trong mô hình CQĐP hai cấp, vấn đề trọng tâm không chỉ là bổ sung quy định mới mà còn là bảo đảm tính đồng bộ và khả năng thực thi giữa pháp luật về giao dịch điện tử, dữ liệu, dịch vụ công trực tuyến, bảo vệ dữ liệu cá nhân, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và tổ chức CQĐP.

2.2. Kết quả thực hiện pháp luật về chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính

Thực tiễn cho thấy pháp luật về CDS trong giải quyết thủ tục hành chính đã được cụ thể hóa qua

Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông và khai thác dữ liệu dân cư. Kết quả chủ yếu thể hiện ở ba phương diện: mở rộng dịch vụ công trực tuyến; số hóa hồ sơ, khai thác dữ liệu; và hỗ trợ vận hành mô hình CQĐP hai cấp.

Ở phương diện thứ nhất, dịch vụ công trực tuyến và phương thức tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính đã được mở rộng. Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã từng bước hình thành môi trường giao dịch hành chính số; cơ chế tiếp nhận không phụ thuộc địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh kết nối tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến và trả kết quả. Tại Đà Nẵng, quý III/2025 có 2.232 thủ tục hành chính, gồm 863 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 1.262 dịch vụ công trực tuyến một phần và 1.160 thủ tục không phụ thuộc địa giới hành chính; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 85,4% (Ngọc Ánh, 2025). Các số liệu này cho thấy dịch vụ công trực tuyến đã gắn với phương thức phục vụ thuận tiện và liên thông hơn. Ở phương diện thứ hai, việc số hóa hồ sơ và khai thác dữ liệu đã có chuyển biến rõ nét. Thông qua Đề án 06, kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đã giảm yêu cầu kê khai, xuất trình giấy tờ và hỗ trợ xử lý hồ sơ. Tại Lào Cai, tháng 6/2025, 5.720/6.091 hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa, đạt 93,90% (Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 tỉnh Lào Cai, 2025). Ở phương diện thứ ba, CDS bước đầu hỗ trợ việc vận hành mô hình CQĐP hai cấp. Các nền tảng số và hệ thống dữ liệu dùng chung giúp duy trì kết nối thông tin giữa cấp tỉnh và cấp xã, hỗ trợ cấp xã thực hiện nhiệm vụ hành chính được phân cấp và mở rộng khả năng xử lý hồ sơ trên môi trường số. Theo thống kê năm 2025, Cổng Dịch vụ công quốc gia đã được nâng cấp, kết nối thông suốt với 34/34 Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình CQĐP hai cấp (Chu Thanh Vân, 2025b). Tại Hà Nội, Thành phố đã giao cấp xã thực hiện 929 nhiệm vụ, ủy quyền giải quyết 76 thủ tục hành chính; các xã, phường đã tiếp nhận, giải quyết hơn 2,26 triệu hồ sơ, trong đó hơn 619.000 hồ sơ được giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính (Thành An, 2026). Những kết quả này cho thấy CDS đang hỗ trợ cải cách thủ tục hành chính, phân cấp thực chất và tái cấu trúc quy trình xử lý hồ sơ ở cấp cơ sở.

Những kết quả trên cho thấy CDS đã hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ, khai thác dữ liệu và phân cấp, phân quyền. Tuy nhiên, việc vận hành mô hình hai cấp cũng bộc lộ khoảng trống về quản trị dữ liệu, hồ sơ điện tử, trách nhiệm giải trình và điều kiện thực thi.

2.3. Khoảng trống trong thực thi pháp luật về chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính

2.3.1. Quản trị, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu công

Dù khung pháp luật về dữ liệu, kết nối, chia sẻ từng bước hoàn thiện, trách nhiệm tạo lập, cập nhật, phản hồi, bảo đảm chất lượng và chia sẻ dữ liệu chưa rõ; dữ liệu công chưa trở thành nền tảng vận hành thống nhất. Dữ liệu vẫn phân tán theo ngành, lĩnh vực, cơ quan; việc chuẩn hóa, kết nối, khai thác chưa đồng bộ. Có 67,8% công chức cho rằng chất lượng dữ liệu chưa đáp ứng yêu cầu phân tích, dự báo, trong khi 62% dữ liệu thủ tục hành chính chưa đạt chuẩn phục vụ phân tích (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2024). Trong mô hình CQĐP hai cấp, hạn chế này thể hiện rõ ở cấp xã, nơi vừa phát sinh vừa sử dụng dữ liệu nhưng cơ chế phản hồi và nâng cao chất lượng dữ liệu chưa đầy đủ. Khoảng trống còn ở việc kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan chưa đồng bộ. Thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh và Quảng Ninh cho thấy, dù số hóa, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và khai thác dữ liệu đạt kết quả tích cực, việc chia sẻ dữ liệu vẫn chưa đáp ứng yêu cầu (Thu Giang, 2025). Dữ liệu vì vậy chưa được sử dụng thường xuyên như nguồn thông tin dùng chung trong toàn bộ quá trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả; người dân, doanh nghiệp vẫn có thể phải cung cấp lại thông tin mà cơ quan nhà nước đã có hoặc có thể khai thác hợp pháp. Yêu cầu “dữ liệu dùng chung” chưa chuyển hóa đầy đủ thành năng lực xử lý hồ sơ nhanh, thống nhất, chính xác ở cấp cơ sở.

2.3.2. Thủ tục hành chính số và giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử

Điều 8 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu nhưng hồ sơ điện tử chưa thay thế đầy đủ hồ sơ giấy. Khoảng trống không nằm ở việc thiếu thừa nhận giá trị pháp lý mà ở sự thiếu đồng bộ giữa Luật Giao dịch điện tử, quy định chuyên ngành và quy trình giải

quyết thủ tục hành chính.

Nhiều thủ tục vẫn thực hiện song song bằng hồ sơ giấy và điện tử. Thực tiễn CDS ở cấp xã tại Phú Thọ, qua các trường hợp tại Tiên Lữ, Nguyệt Đức và Quảng Yên, cho thấy tình trạng “số hóa nửa vời”: hồ sơ đã nhập lên hệ thống nhưng người dân vẫn phải in giấy, bổ sung bản cứng hoặc đi lại nhiều lần (Quang Nam, 2026). Trong mô hình CQĐP hai cấp, tình trạng này làm tăng áp lực cho cấp xã, nơi trực tiếp tiếp nhận, xử lý hồ sơ nhưng phụ thuộc vào mức độ liên thông của hệ thống và khả năng tái sử dụng hồ sơ điện tử.

Nguyên tắc ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số theo định hướng “số là mặc định” cũng chưa được cụ thể hóa đồng bộ trong từng lĩnh vực. Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ở một số bộ, ngành, địa phương, nhất là ở cơ sở, vẫn chủ yếu theo phương thức truyền thống; một số dịch vụ công trực tuyến chưa thuận lợi, trong khi việc số hóa và tái sử dụng dữ liệu còn hạn chế (Chu Thanh Vân, 2025a). Trong giai đoạn đầu vận hành mô hình CQĐP hai cấp, Công điện số 111/CD-TTg ngày 17/7/2025 cũng chỉ ra tình trạng hệ thống thông tin chưa ổn định, dữ liệu thiếu kết nối, chia sẻ và liên thông; thể chế, quy trình còn chậm được hoàn thiện. Do đó, hồ sơ điện tử tuy được thừa nhận về giá trị pháp lý nhưng chưa trở thành phương thức xử lý chủ đạo trong toàn bộ vòng đời thủ tục hành chính.

2.3.3. Trách nhiệm giải trình, truy xuất và giám sát trên môi trường số

Mặc dù Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025, Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 và Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 đã tạo cơ sở kiểm soát việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, nghĩa vụ lập nhật ký điện tử, đồng bộ trạng thái hồ sơ, truy xuất lịch sử và công khai tiến độ chưa thống nhất. Trách nhiệm hành chính phải được xác định trong toàn bộ quá trình tiếp nhận, xử lý, phê duyệt, trả kết quả và khai thác dữ liệu, không chỉ ở kết quả cuối cùng. Tại Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình, trong hai tháng đầu năm 2026 có 2.971 hồ sơ trễ hạn; các đơn vị phải giải trình từng hồ sơ về nguyên nhân, thời gian trễ hạn, cán bộ hoặc bộ phận trực tiếp xử lý và trách nhiệm liên quan. Điều này cho thấy việc làm rõ trách nhiệm thường được đặt ra sau khi phát sinh trễ hạn, chưa gắn thường xuyên với từng công đoạn xử lý điện tử (Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, 2026).

Báo cáo của UBND xã Cẩm Giàng, Hải Phòng ghi nhận tình trạng chậm đồng bộ, sai lệch trạng thái, thông tin hồ sơ chưa đầy đủ và khó tra cứu lịch sử xử lý; dữ liệu lưu trữ trên nhiều hệ thống cũng gây khó khăn cho theo dõi tiến độ và xác định nguyên nhân chậm trễ (Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng, Hải Phòng, 2026).

Tại xã Long Phụng, Quảng Ngãi, một số hồ sơ hoàn thành chưa được đồng bộ kịp thời sang hệ thống của tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia; việc thiếu giao diện tổng hợp và cảnh báo hồ sơ sắp hoặc quá hạn làm hạn chế khả năng theo dõi, giám sát của người dân, doanh nghiệp (Ủy ban nhân dân xã Long Phụng, tỉnh Quảng Ngãi, 2026). Trong mô hình CQĐP hai cấp, các hạn chế này làm tăng khối lượng xử lý tại cấp xã nhưng chưa bảo đảm tương xứng tính minh bạch, khả năng truy xuất và trách nhiệm giải trình trên môi trường số.

2.3.4. Điều kiện bảo đảm thực thi pháp luật về chuyển đổi số

Hiệu quả CDS trong giải quyết thủ tục hành chính phụ thuộc trực tiếp vào nguồn lực tài chính, hạ tầng kỹ thuật, nhân lực số và cơ chế hỗ trợ vận hành ở cấp cơ sở. Trong mô hình CQĐP hai cấp, các điều kiện này càng quan trọng vì cấp xã trực tiếp tiếp nhận, xử lý và trả kết quả nhiều thủ tục hành chính hơn.

Nguồn lực tài chính và cơ chế bố trí kinh phí cho CDS ở cấp cơ sở chưa thật sự tương xứng với yêu cầu phân cấp, phân quyền. Thực tiễn tại xã Ea Bung, tỉnh Đắk Lắk cho thấy địa phương đã kiến nghị Trung ương và tỉnh bổ sung nguồn vốn cho các xã mới sáp nhập, ưu tiên đầu tư công trình thiết yếu và hỗ trợ CDS trong quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công (Gia Huy, 2026). Thực tiễn này cho thấy việc giao thêm thẩm quyền chưa luôn đi kèm nguồn lực cần thiết để bảo đảm thực hiện.

Hạ tầng kỹ thuật số và trang thiết bị phục vụ số hóa hồ sơ còn chưa đồng bộ. Hệ thống hạ tầng phục vụ Trung tâm Phục vụ hành chính công từ trung ương đến cấp xã chưa thống nhất; thiết bị như máy quét, máy đọc mã vạch ở nhiều địa phương còn thiếu hoặc chưa đồng bộ, trong khi việc bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin vẫn gặp khó khăn. Tại Sơn La, hạ tầng công nghệ và trang thiết bị phục vụ CDS còn hạn chế; khả năng tiếp cận

công nghệ và kỹ năng số của người dân vùng sâu, vùng xa cũng ảnh hưởng đến việc thực hiện hồ sơ trực tuyến (Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 2026).

Nhân lực và điều kiện vận hành số ở cấp xã chưa tương xứng với khối lượng nhiệm vụ sau phân cấp. Thực tiễn tại xã Hoài Đức, Hà Nội cho thấy áp lực về tổ chức bộ máy và nhân lực ở cấp xã gia tăng đáng kể: khoảng 70 cán bộ, công chức thuộc khối UBND xã phải đảm nhiệm khối lượng công việc tương đương 10 phòng chuyên môn cấp huyện trước đây, với khoảng 924 nhiệm vụ, 430 thủ tục hành chính và 15.000 hồ sơ được tiếp nhận, xử lý từ tháng 7/2025, bình quân khoảng 1.500 hồ sơ mỗi tháng. Song song với áp lực đó, cán bộ còn phải vận hành nhiều phần mềm chuyên ngành chưa liên thông, vừa cập nhật dữ liệu trên hệ thống điện tử, vừa báo cáo thủ công do dữ liệu chưa được cập nhật theo thời gian thực và chưa thể trích xuất trực tiếp (Hằng T. Nguyễn, 2026). Điều này cho thấy việc phân cấp thêm nhiệm vụ chưa gắn đầy đủ với cơ chế bảo đảm về nguồn lực, hạ tầng, nhân lực và hỗ trợ kỹ thuật.

2.4. Hoàn thiện pháp luật và bảo đảm thực thi về chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính

2.4.1. Quản trị, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu công

Pháp luật cần quy định thống nhất tiêu chuẩn, tiêu chí chất lượng dữ liệu, phân định trách nhiệm quản trị và bảo đảm kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu trong toàn bộ quy trình giải quyết hồ sơ.

Cần xác định rõ trách nhiệm của cơ quan tạo lập, cập nhật, xác thực, chia sẻ và khai thác dữ liệu. Cấp tỉnh chịu trách nhiệm về chuẩn dữ liệu, điều phối, kiểm soát chất lượng và kết nối; cấp xã có trách nhiệm cập nhật, xác thực, phản hồi dữ liệu phát sinh. Quản trị dữ liệu cần gắn với kiểm tra, đánh giá định kỳ và khắc phục dữ liệu không đạt chuẩn.

Thiết lập cơ chế dữ liệu dùng chung, theo đó chia sẻ dữ liệu là nghĩa vụ thường xuyên, có thể kiểm soát và gắn với trách nhiệm khi chậm, không chia sẻ hoặc chia sẻ dữ liệu không bảo đảm chất lượng. Cơ quan nhà nước chỉ yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp thông tin khi không thể khai thác hợp pháp từ cơ sở dữ liệu liên quan.

Các quy định cần đặt trong khuôn khổ quản trị vòng đời dữ liệu, từ tạo lập, chuẩn hóa, cập nhật, lưu trữ đến khai thác, bảo vệ và hủy bỏ. Việc kết nối giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công và cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành phải được chuẩn hóa, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2.4.2. Hồ sơ điện tử và thủ tục hành chính số

Pháp luật cần xác lập hồ sơ điện tử là phương thức xử lý mặc định; hồ sơ giấy chỉ được yêu cầu trong trường hợp đặc thù do pháp luật quy định.

Giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử phải được bảo đảm xuyên suốt từ tạo lập, tiếp nhận, xử lý, phê duyệt, trả kết quả đến lưu trữ và tái sử dụng. Cơ quan nhà nước chỉ yêu cầu bổ sung giấy tờ khi dữ liệu chưa có, không chính xác hoặc không thể khai thác hợp pháp và phải thông báo rõ lý do cho người dân, doanh nghiệp. Đồng thời, cần rà soát quy định chuyên ngành còn yêu cầu hồ sơ giấy, tái cấu trúc quy trình, giảm khâu trung gian và xử lý hồ sơ trên cơ sở dữ liệu số. Dịch vụ công trực tuyến chỉ có giá trị thực chất khi các khâu xác thực, phối hợp, phê duyệt và trả kết quả được thiết kế theo quy trình số thống nhất.

Hồ sơ điện tử cần được sử dụng thống nhất giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã để thực hiện thủ tục không phụ thuộc địa giới hành chính và nhiệm vụ được phân cấp.

2.4.3. Trách nhiệm giải trình, truy xuất và giám sát trên môi trường số

Để phân cấp đi đôi với kiểm soát quyền lực, pháp luật cần quy định bắt buộc việc lập nhật ký điện tử cho từng hồ sơ, ghi nhận chủ thể, thời điểm, thao tác, căn cứ và trạng thái xử lý; dữ liệu trạng thái phải được đồng bộ để phục vụ thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xác định trách nhiệm.

Cần hoàn thiện cơ chế công khai để người dân, doanh nghiệp theo dõi tiến độ, chủ thể xử lý, lý do chậm trễ và nguy cơ quá hạn. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính phải có giao diện tổng hợp, cảnh báo quá hạn, thống kê kết quả và phát hiện bất thường.

Trách nhiệm giải trình phải gắn với việc truy cập, chỉnh sửa, chia sẻ và khai thác dữ liệu. Các hoạt

động này cần được phân quyền, lưu vết và xử lý nghiêm khi dữ liệu bị sử dụng sai mục đích hoặc vi phạm nghĩa vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đây là công cụ bảo đảm phân cấp thẩm quyền cho cấp xã đi đôi với minh bạch và kiểm soát quyền lực.

2.4.4. Bảo đảm điều kiện thực thi

Điều kiện bảo đảm thực thi không phải là khâu hỗ trợ sau cùng mà phải được xem là bộ phận cấu thành của phân cấp, phân quyền. Vì vậy, pháp luật cần gắn việc giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính với bảo đảm nguồn lực tài chính, hạ tầng số, nhân lực và hỗ trợ kỹ thuật, nhất là ở cấp xã.

Cần thiết lập cơ chế phân bổ kinh phí theo nhiệm vụ, số lượng hồ sơ, quy mô dân cư và điều kiện địa bàn; ưu tiên xã mới sáp nhập, vùng sâu, vùng xa và nơi có khối lượng thủ tục hành chính lớn. Đầu tư cho CDS cần được xác định là đầu tư cho năng lực quản trị và chất lượng phục vụ, thay vì chỉ là chi phí vận hành hành chính.

Song song với bảo đảm kinh phí cần ưu tiên hoàn thiện hạ tầng, đường truyền, trang thiết bị và nền tảng dùng chung cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Các hệ thống phải được thiết kế thống nhất, dễ sử dụng, an toàn, hạn chế tình trạng cán bộ phải nhập liệu và báo cáo trên nhiều phần mềm không liên thông. Cần có cơ chế hỗ trợ người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Về nhân lực, cần bố trí cán bộ phù hợp với khối lượng công việc và từng bước hình thành đầu mối chuyên trách hoặc kiêm nhiệm có năng lực số tại cấp xã. Việc đào tạo phải gắn với vận hành thực tế, tập trung vào xử lý hồ sơ điện tử, khai thác dữ liệu, an toàn thông tin và hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Cấp tỉnh cần thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên, có đầu mối rõ ràng và thời hạn xử lý sự cố cụ thể đối với cấp xã. Chỉ khi nguồn lực, hạ tầng, nhân lực, an toàn dữ liệu và hỗ trợ vận hành được bảo đảm đồng bộ, phân cấp thẩm quyền mới có thể chuyển hóa thành năng lực thực thi thực chất trên môi trường số.

3. Kết luận

Như vậy, vận hành mô hình CQĐP hai cấp không chỉ đặt ra yêu cầu tinh gọn bộ máy mà còn làm rõ yêu cầu hoàn thiện pháp luật về CDS trong giải quyết thủ tục hành chính. Pháp luật hiện hành đã bước đầu tạo nền tảng cho hồ sơ, giao dịch, định danh điện tử, dịch vụ công trực tuyến, kết nối và chia sẻ dữ liệu, qua đó hỗ trợ đổi mới quy trình xử lý và nâng cao chất lượng phục vụ. Tuy nhiên, bốn nhóm khoảng trống vẫn tồn tại: quản trị, kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu công; thủ tục hành chính số và hồ sơ điện tử; trách nhiệm giải trình, truy xuất và giám sát trên môi trường số; cùng các điều kiện về nguồn lực, hạ tầng, nhân lực và hỗ trợ kỹ thuật. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phân cấp, phân quyền và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số. Vì vậy, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng quản trị dữ liệu thống nhất, xác lập hồ sơ điện tử là phương thức xử lý mặc định, bảo đảm lưu vết, truy xuất và giám sát quy trình, đồng thời gắn phân cấp với nguồn lực thực hiện. Hiệu quả CDS phải được đo bằng khả năng cung cấp dịch vụ công minh bạch, thuận tiện, an toàn và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm.

Tài liệu tham khảo

Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 tỉnh Lào Cai (2025). *Báo cáo số 317/BC-BCĐ, ngày 25/6/2025 kết quả triển khai Đề án 06/CP tháng 6 năm 2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai*.

Bộ Thông tin và Truyền thông (2021). *Cẩm nang chuyển đổi số*. NXB Thông tin và Truyền thông.

Bộ Thông tin và Truyền thông (2024). *Tài liệu họp báo thường kỳ tháng 5 năm 2024* (Lưu hành nội bộ).

Chu Thanh Vân (2025a). *Cải cách thủ tục hành chính ngay trong xây dựng quy định pháp luật*. <https://www.vietnamplus.vn/cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-ngay-trong-xay-dung-quy-dinh-phap-luat-post967841.vnp>, ngày 31/7/2024.

Chu Thanh Vân (2025b). *Thủ tục hành chính chưa phù hợp triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình*. <https://www.vietnamplus.vn/thu-tuc-hanh-chinh-chua-phu-hop-trien-khai-dich-vu-cong-truc-tuyen-toan-trinh-post1075804.vnp>, ngày 08/11/2025.

Gia Huy (2026). *Hoàn thiện mô hình chính quyền 2 cấp, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân*. <https://baochinhphu.vn/hoan-thien-mo-hinh-chinh-quyen-2-cap-nang-cao-hieu-qua-phuc-vu-nguoi-dan-102260319115840698.htm>, ngày 19/3/2026.

Hằng T. Nguyễn (2026). *Xã 70 cán bộ gánh việc 10 phòng của huyện cũ, xử lý 1.500 hồ sơ/tháng*. <https://dantri.com.vn/noi-vu/xa-70-can-bo-ganh-viec-10-phong-cua-huyen-cu-xu-ly-1500-ho-so-thang-20260609212731740.htm>, ngày 10/6/2026.

Ngọc Ánh (2025). *Thành phố Đà Nẵng: Kết quả cải cách hành chính năm 2025*. <http://caicachanhchinh.gov.vn/tin-tuc/thanh-pho-da-nang-ket-qua-cai-cach-hanh-chinh-nam-2025>.

Organisation for Economic Co-operation and Development. (2020). *The OECD digital government policy framework: Six dimensions of a digital government* (OECD Public Governance Policy Papers No. 02), pp. 7, 10, 14, 28.

Quang Nam (2026). *Chuyển đổi số ở cấp xã: Nhiều điểm nghẽn cần tháo gỡ*. <https://baophutho.vn/chuyen-doi-so-o-cap-xa-nhieu-diem-nghen-can-thao-go-254036.htm>, ngày 16/5/2026.

Thành An (2026). *Một năm vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, Hà Nội nhận diện các điểm nghẽn để hoàn thiện bộ máy*. <https://danviet.vn/mot-nam-van-hanh-chinh-quyen-dia-phuong-2-cap-ha-noi-nhan-dien-cac-diem-nghen-de-hoan-thien-bo-may-d1433579.html>, ngày 09/6/2026.

Thu Giang (2025). *Cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số: Từ chủ trương lớn đến chuyển động thực chất ở địa phương*. <https://baochinhphu.vn/cai-cach-hanh-chinh-gan-voi-chuyen-doi-so-tu-chu-truong-lon-den-chuyen-dong-thuc-chat-o-dia-phuong-102251220214944881.htm>, ngày 22/12/2025.

Ủy ban nhân dân xã Cẩm Giàng, Hải Phòng (2026). *Báo cáo số 209/BC-UBND, ngày 15/5/2026 rà soát, đánh giá lộ trình, mốc thời gian, các giải pháp triển khai kiến trúc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, tỉnh*.

Ủy ban nhân dân xã Long Phụng, tỉnh Quảng Ngãi (2026). *Báo cáo số 526/BC-UBND, ngày 15/5/2026 rà soát, đánh giá tình hình triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (2026). *Văn bản số 1256/UBND-PVHCC, ngày 05/3/2026 về việc rà soát, xử lý các hồ sơ quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh*.

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (2026). *Báo cáo số 245/BC-UBND, ngày 24/4/2026 tình hình, kết quả triển khai thực hiện Đề án 06/CP tháng 4 năm 2026*.

.....

NÂNG CAO VỊ TRÍ CỦA LUẬT SO SÁNH TRONG ĐÀO TẠO NGÀNH LUẬT..

Tiếp theo trang 334

3. Kết luận

Trong xu thế chung của thế giới, có thể thấy rằng các quốc gia đều không thể phủ nhận được vai trò quan trọng của Luật so sánh trong việc đào tạo luật nói chung. Tuy nhiên, ở Việt Nam, việc cụ thể hoá xu hướng này hiện nay vẫn còn có những hạn chế do thời gian phát triển chưa lâu, sự thiếu hụt học phần hay chương trình đào tạo chuyên sâu về Luật so sánh. Nhìn nhận từ bài học kinh nghiệm đến từ các quốc gia trên thế giới, xu hướng chung là đều sẽ phát triển luật so sánh mạnh trong quá trình đào tạo luật. Dù biện pháp có thể là xây dựng chương trình đào tạo mới, bổ sung học phần độc lập hay kết hợp kiến thức của luật so sánh với chương trình đã có thì cũng đều đem lại những hiệu quả tích cực riêng. Chính vì thế, Việt Nam cần thay đổi vị thế của Luật so sánh, trao cho Luật so sánh vị trí quan trọng hơn trong việc đào tạo luật trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

Frederick Schauer (2024). *Tư duy như một luật sư: Một chỉ dẫn pháp luận quan trọng cho người hành nghề luật* (Trần Quang Thái dịch). NXB Lao động.

Ngô Hoàng Oanh, Phạm Trí Hùng (2007). Luật so sánh và thực tiễn xây dựng Bộ luật Dân sự Việt Nam. *Tạp chí Luật học*, (4).

Ngô Kim Hoàng Nguyễn (2022). Giảng dạy Luật so sánh ở một số cơ sở đào tạo đại học chuyên ngành luật tại châu Á. *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, 04 (152).

Nguyễn Thị Ánh Vân (2006). Hiểu thế nào về sử dụng Luật so sánh trong nghiên cứu và giảng dạy luật? *Tạp chí Luật học*, (10).

Nguyễn Thị Ánh Vân (2017). Các môn luật so sánh chuyên ngành trong chương trình đào tạo luật của Mỹ và kinh nghiệm cho Trường Đại học Luật Hà Nội. *Tạp chí Luật học*, (6).

Nguyễn Thị Ánh Vân (2018). Vị trí của môn Luật so sánh trong chương trình đào tạo cử nhân luật tại Trường Đại học Luật Hà Nội. *Tạp chí Luật học*, (6).

Nguyễn Văn Quân (2026). Luật học so sánh trong chương trình đào tạo luật: Kinh nghiệm quốc tế và định hướng cho Việt Nam. Trong *Hội thảo khoa học quốc gia “Đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy luật tại các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam trong bối cảnh mới”*.

Paulina E. Wilson (2024). Comparative law in legal education: An interdisciplinary perspective. *Juridical Tribune – Review of Comparative and International Law*, 14(3). <https://www.tribunajuridica.eu/arhiva/y14v3/1.pdf>.

Trường Đại học Luật Hà Nội (2025). *Giáo trình Luật so sánh*. NXB Tư pháp.